| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 171/2023/DS-ST
Ngày 31 - 7- 2023
V/v tranh hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Huỳnh Ngọc Mai

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Nguyễn Văn Hiển

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Chí Đệ là thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm D.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số: 370/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp Thành V, xã Tân Tr, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ch: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1956; cư trú tại: Ấp Thành V, xã Tân Tr, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Ch: Ông Trần Hoàng H – Trợ giúp viên pháp lý của Tr tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

*2. Bị đơn:*

2.1. Chị Phạm Thị Nh; cư trú tại: Ấp Thành V, xã Tân Tr, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.2. Anh Lê Bảo X; cư trú tại: Ấp Thành V, xã Tân Tr, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

** Ông Trần Hoàng H trình bày:*

Vào ngày 10/01/2017, anh X và chị Nh có hỏi vay của bà Ch số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất vay và thời hạn cho vay do các bên tự thỏa thuận. Việc cho vay có làm biên nhận. Quá trình vay, ông X và bà Nh có trả lãi nhưng không đầy đủ, còn nợ 37 tháng lãi.

Ngoài ra, bà Ch có tham gia hụi do anh X và chị Nh làm chủ, loại hụi 500.000 đồng, mở ngày 30/10/2017al, gồm 33 chưng, mỗi tháng khui 1 lần, bà Ch tham gia 01 chưng. Bà Ch đã góp hụi đầy đủ, đến khi mãn hụi, số tiền hụi được lĩnh là 14.210.000 đồng Nhng ông X và bà Nh không giao hụi.

Bà Ch yêu cầu chị Nh và anh X trả số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng, lãi suất 30.000.000 đồng x 37 tháng x 1,6% = 17.760.000 đồng và số tiền hụi là 14.210.000 đồng.

** Bị đơn anh Lê Bảo X và chị Phạm Thị Nh:* Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để biết yêu cầu khởi kiện của bà Ch Nhng anh X và chị Nh không có ý kiến đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà Ch và không tham gia hòa giải, xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị R là người đại diện theo uỷ quyền của bà Ch có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Bảo X và chị Phạm Thị Nh đã được Tòa án tRệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai Nhng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Bà Ch khởi kiện yêu cầu anh X và chị Nh trả số tiền vốn vay còn nợ là 30.000.000 đồng. Theo giấy nợ ngày 10/01/2020 có chữ ký của chị Nh thể hiện có vay của bà Ch 30.000.000 đồng. Theo người bảo vệ quyền lợi cho bà Ch trình bày thì thời hạn vay và lãi suất vay do các bên thoả thuận Nhng từ khi vay đến nay anh X và chị Nh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi, kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Ch.

Xét yêu cầu trả lãi của bà Ch thấy rằng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định lãi suất vay do các bên thoả thuận, trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không vượt quá 20%/năm của khoản vay. Bà Ch xác định anh X và chị Nh còn nợ 37 tháng lãi, yêu cầu trả mức lãi là 1,6%/tháng x 37 tháng = 17.760.000 đồng là phù hợp.

Đối với yêu cầu chị Nh và anh X phải trả cho bà Ch số tiền hụi 14.210.000 đồng. Thấy rằng, theo danh sách hụi có ký tên chị Nh và anh X, danh sách hụi tên "mẹ TRnh", có tham gia 1 chưng trong dây hụi nêu trên. Bà Ch thực hiện đúng nghĩa vụ góp hụi đến khi mãn hụi số tiền được hưởng là 14.210.000 đồng Nhng anh X và chị Nh không giao tiền hụi.

Anh X và chị Nh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết được yêu cầu khởi kiện của bà Ch, Nhng anh chị không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Nh vậy, nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà Ch thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch. Buộc anh X và chị Nh có nghĩa vụ trả cho bà Ch số tiền 61.970.000 đồng. Trong đó, tiền vốn vay là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 17.760.000 đồng và số tiền hụi là 14.210.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị Ch không phải chịu; anh Lê Bảo X và chị Phạm Thị Nh phải chịu 3.098.500 đồng (61.970.000 đồng x 5% = 3.098.500 đồng).

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch, buộc anh Lê Bảo X và chị Phạm Thị Nh trả số tiền 61.970.000 đồng (sáu mươi mốt tRệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Ch có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh X và chị Nh chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị Nh và anh X còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị Ch không phải chịu; anh Lê Bảo X và chị Phạm Thị Nh phải chịu 3.098.500 đồng (ba tRệu không trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*
**Huỳnh Ngọc Mai**